

Số: ...**67**.../QĐ - BQLCKCN

Hà Nam, ngày **28** tháng **4** năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng, nâng công suất sản xuất, kinh doanh của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam từ 750.000 xe/năm lên 1.100.000 xe/năm” của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam**

### **TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 16/01/2017, Văn bản số 225/VPUB-TH ngày 28/02/2017 và Văn bản số 02/UBND-TH ngày 02/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Căn cứ nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án “Cải tạo các công trình phụ trợ phục vụ sản xuất và phúc lợi cho công nhân nhà máy Honda Hà Nam” của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam, được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam xác nhận tại Giấy xác nhận số 557/GXN-BQL ngày 13/6/2017;

Căn cứ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu xe gắn máy mang nhãn hiệu Honda, sản xuất và/hoặc kinh doanh xuất khẩu linh kiện, chi tiết và phụ tùng xe gắn máy, cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa sau bán hàng xe máy” của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam, được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam phê duyệt tại Quyết định số 39/QĐ-BQL ngày 16/9/2011 và Quyết định số 156/QĐ-BQL ngày 12/02/2018;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng, nâng công suất sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam từ 750.000 xe/năm lên 1.100.000 xe/năm” của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam, họp ngày 06/4/2020 tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng, nâng công suất sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại

Hà Nam từ 750.000 xe/năm lên 1.100.000 xe/năm” của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam, đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 14/2020/HNM/D ngày 16/4/2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng, nâng công suất sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam từ 750.000 xe/năm lên 1.100.000 xe/năm” (Sau đây gọi là Dự án) của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam, tại KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này;

2. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có Văn bản chấp thuận của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

3. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và cơ quan phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm;

4. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường (bao gồm các công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) phục vụ giai đoạn vận hành thương mại của dự án “Mở rộng, nâng công suất sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam từ 750.000 xe/năm lên 1.100.000 xe/năm” trước khi hết thời gian vận hành thử nghiệm 30 ngày theo quy định;

5. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trong quá trình thực hiện dự án.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 39/QĐ-BQL ngày 16/9/2011, Quyết định số 156/QĐ-BQL ngày 12/2/2018 và Giấy xác nhận số 557/GXN – BQL ngày 13/6/2017 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam. / *ngl*

**Nơi nhận:**

- Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam;
- UBND tỉnh Hà Nam;
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam;
- Phòng TN&MT TX. Duy Tiên;
- Lưu: VT, MT.



**Trần Văn Kiên**



## PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường dự án “Mở rộng sản xuất, kinh doanh của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam từ 750.000 xe/năm lên 1.100.000 xe/năm” của Công ty Honda Việt Nam – chi nhánh tại Hà Nam  
(Kèm theo Quyết định số 67/QĐ-BQLCKCN ngày 28 tháng 4 năm 2019 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam)

### 1. Thông tin về dự án

#### 1.1. Chủ đầu tư

- Tên Dự án: “Mở rộng sản xuất, kinh doanh của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam từ 750.000 xe/năm lên 1.100.000 xe/năm”

- Chủ đầu tư: Công ty Honda Việt Nam – chi nhánh tại Hà Nam

- Địa điểm thực hiện dự án: KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Kcisuke Tsurazono

Chức vụ: Tổng giám đốc Quốc tịch: Nhật Bản Sinh ngày: 26/11/1968

Hộ chiếu số TR5523043, cấp ngày 29/01/2016, nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: Số 171-4 Wakamatsu, Abiko-Shi, Chiba, Nhật Bản.

Chỗ ở hiện nay: Somerset West Point, Số 2 Tây Hồ, phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

- Trưởng đại diện chi nhánh Hà Nam: Ông Bùi Quang Thi

Điện thoại: 0985.448.031

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 4.972.953.126.765 VNĐ (Bốn nghìn chín trăm bảy mươi hai tỷ chín trăm năm mươi ba triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng Việt Nam)

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và bán xe máy các loại.

- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Từ tháng 4/2020 đến tháng 04/2021.

#### 1.2. Vị trí dự án

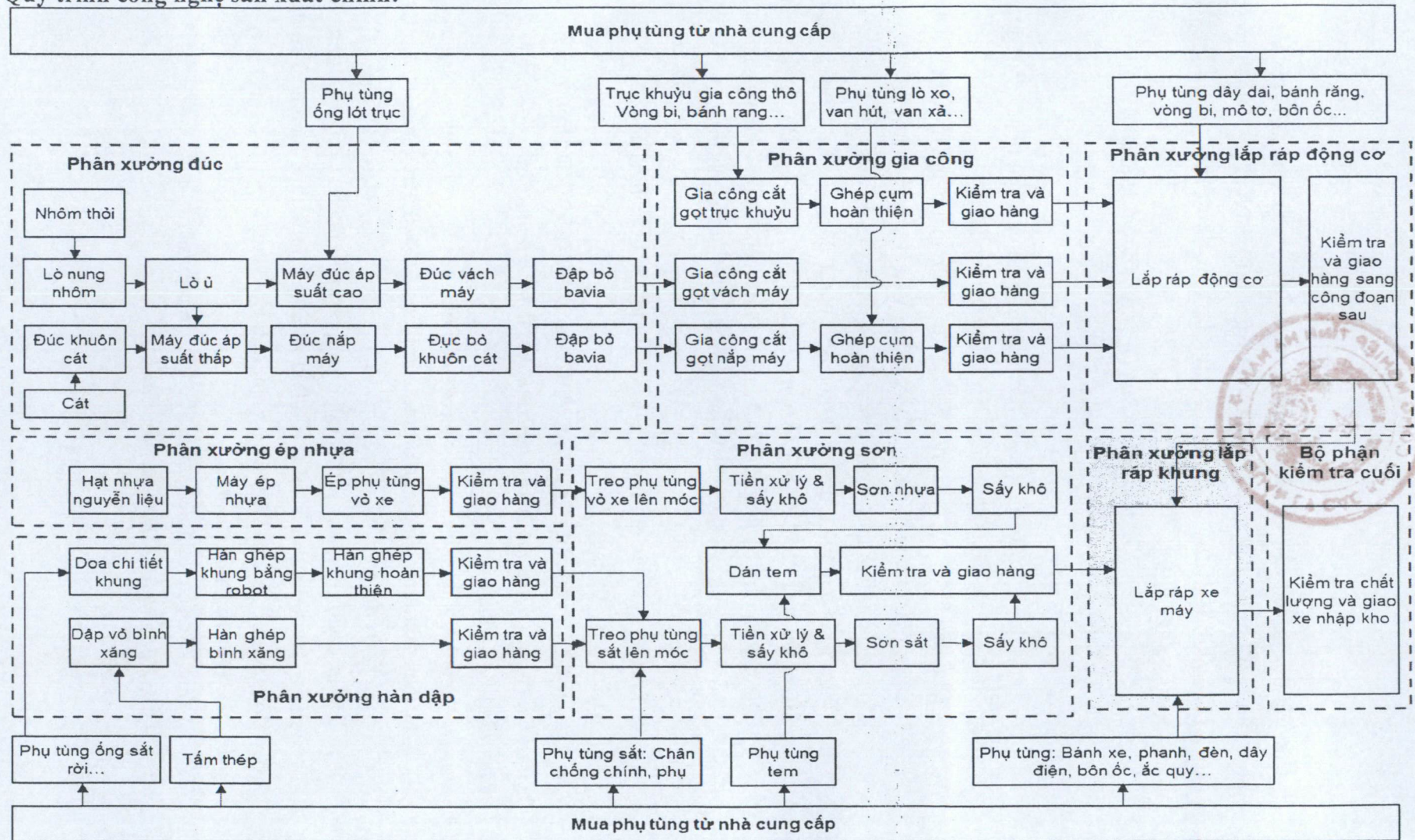
Dự án “Mở rộng sản xuất, kinh doanh của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam từ 750.000 xe/năm lên 1.100.000 xe/năm” được thực hiện tại khu đất Lô G2 của KCN Đồng Văn II, Đồng Văn, Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

#### 1.3. Quy mô, công suất

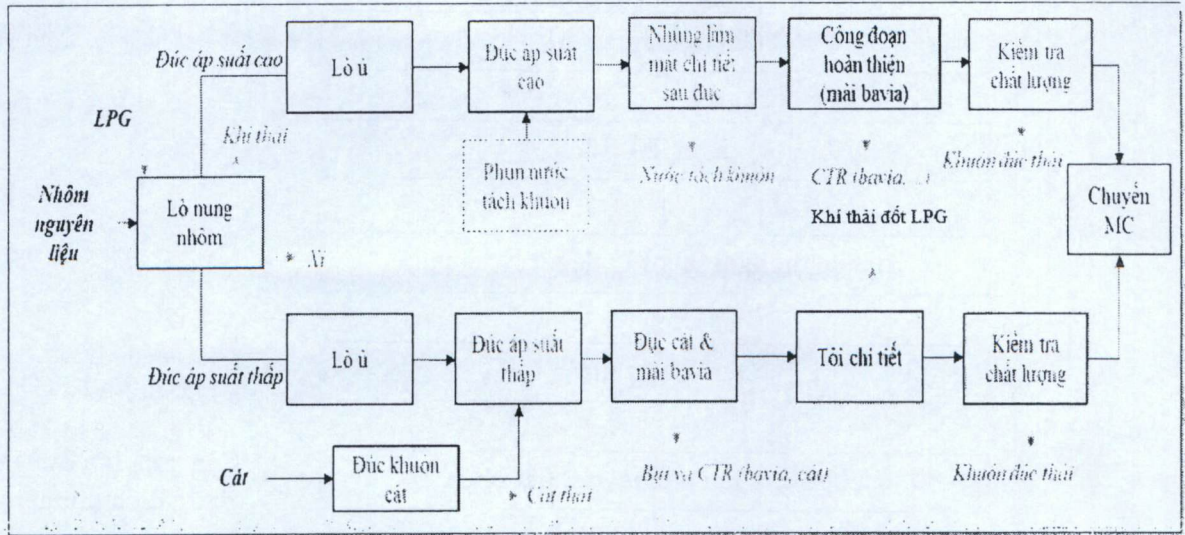
Công suất sản xuất xe máy: 1.100.000 xe máy/năm.

#### 1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

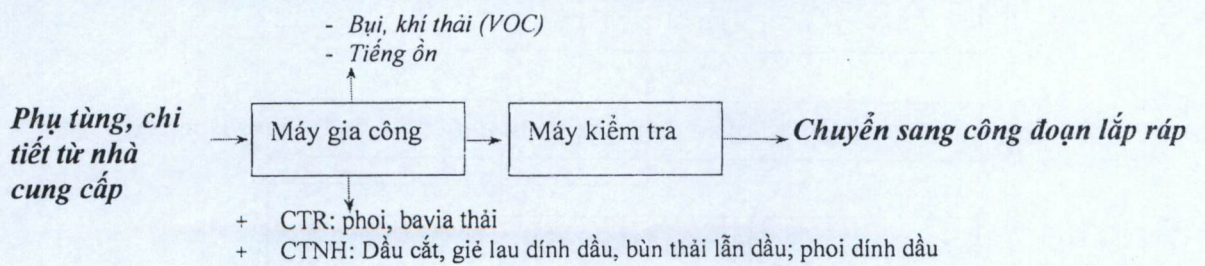
**Quy trình công nghệ sản xuất chính:**



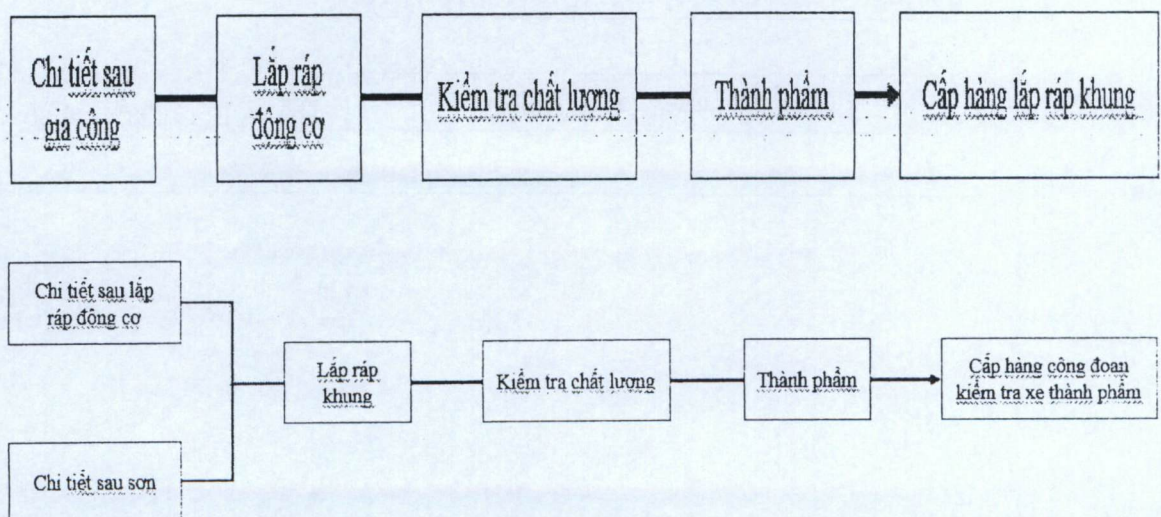
### 1.4.1. Quy trình công nghệ phân xưởng đúc



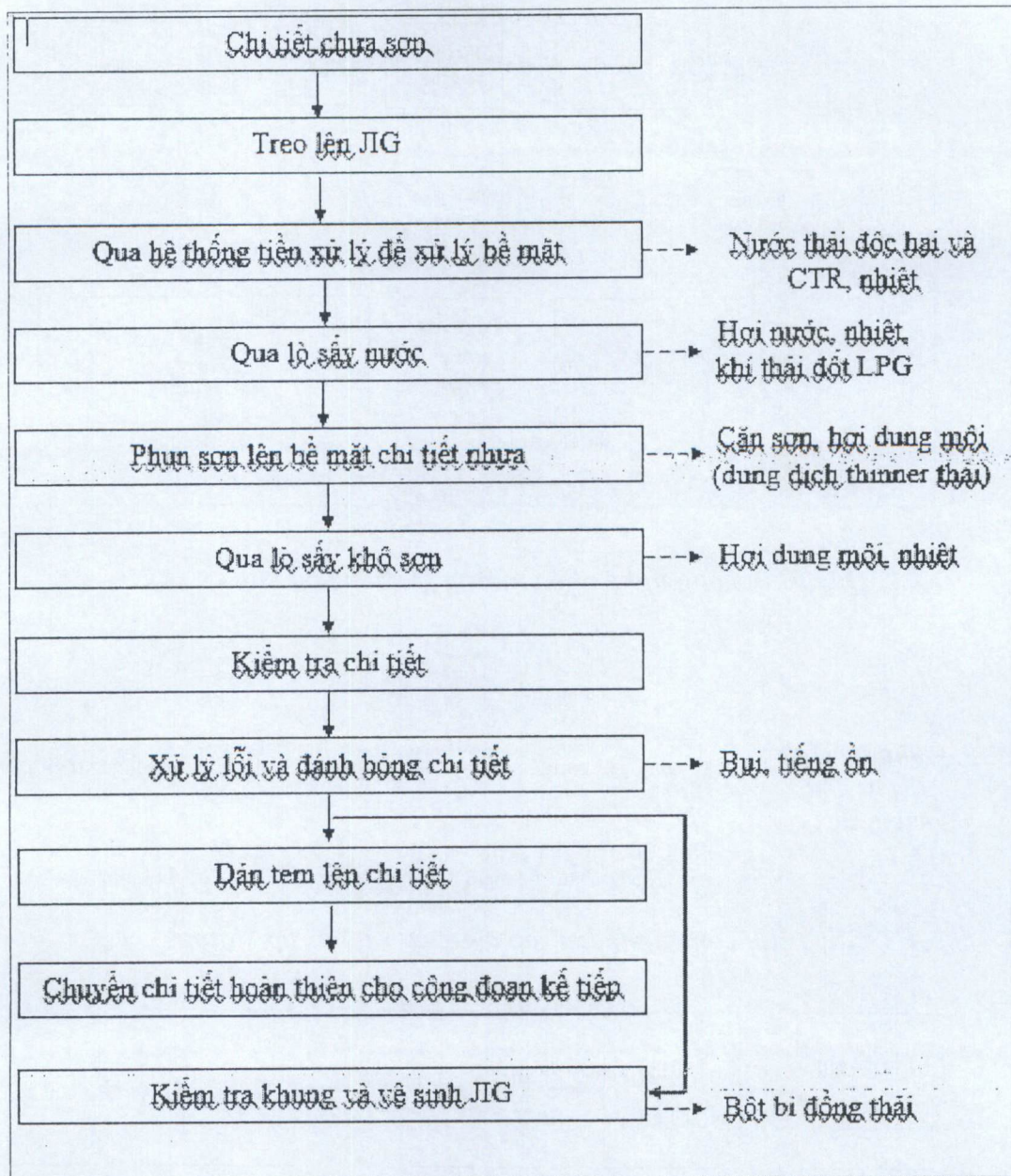
### 1.4.2. Quy trình công nghệ phân xưởng gia công cơ khí



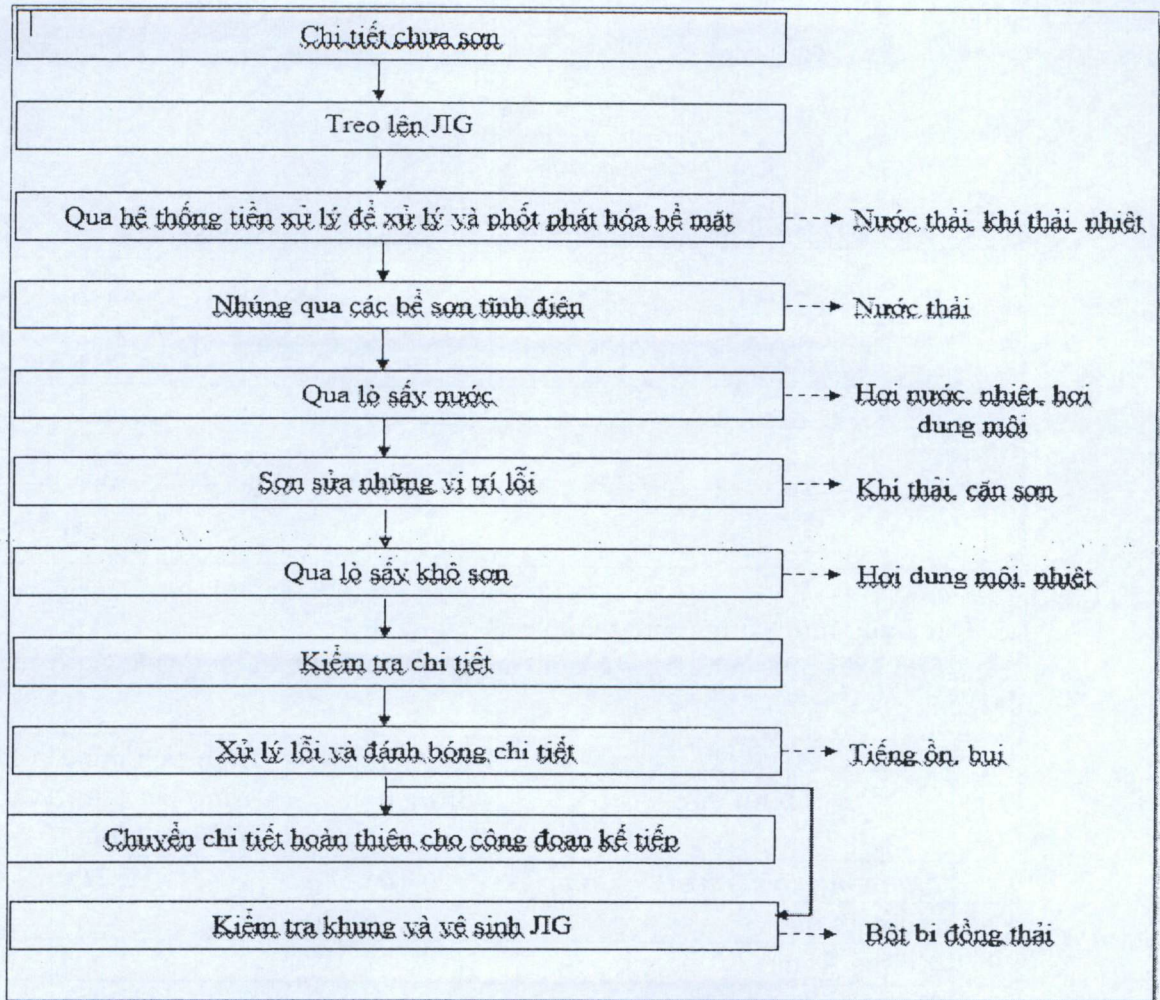
### 1.4.3. Quy trình công nghệ lắp ráp động cơ và lắp ráp khung



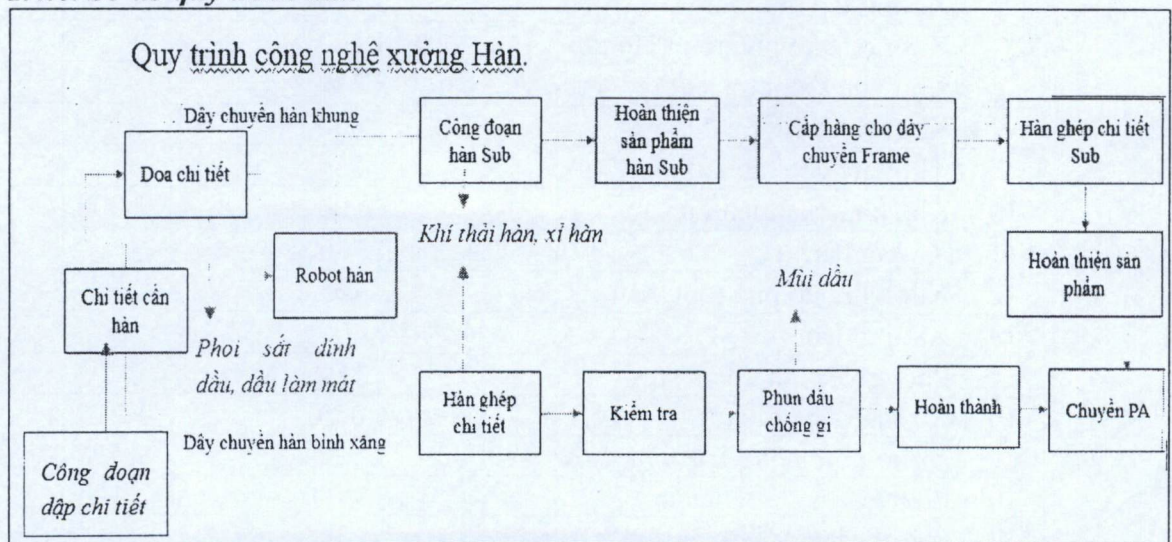
#### 1.4.4. Quy trình công nghệ sơn nhựa ABS



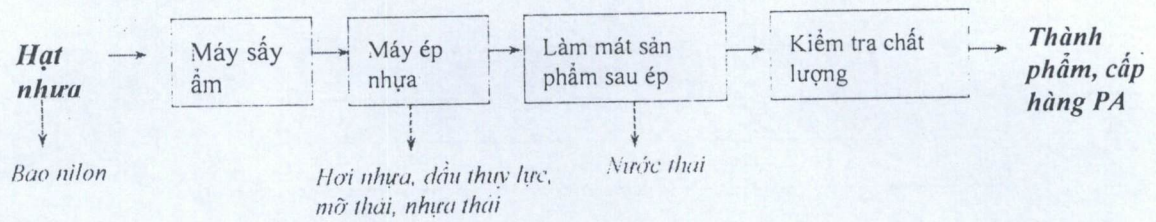
### 1.4.5. Sơ đồ quy trình sơn tĩnh điện ED



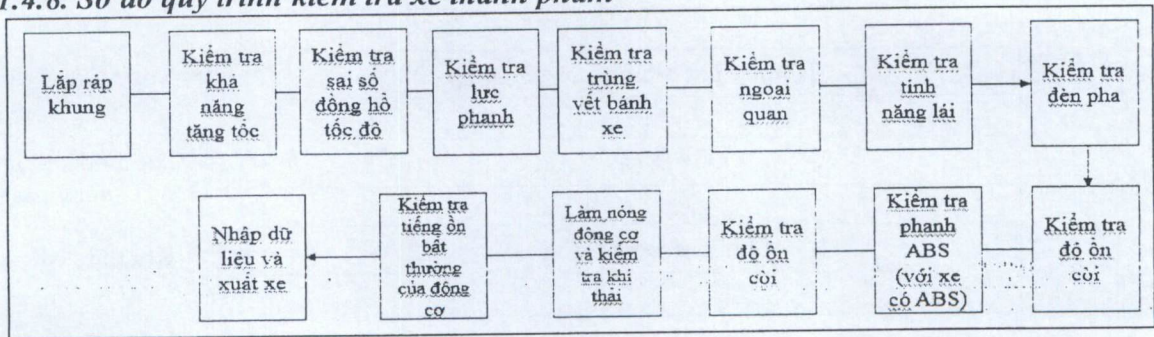
### 1.4.6. Sơ đồ quy trình hàn



#### 1.4.7. Sơ đồ công nghệ ép nhựa kèm dòng thải



#### 1.4.8. Sơ đồ quy trình kiểm tra xe thành phẩm



#### 1.5. Các hạng mục công trình của dự án

Các hạng mục công trình của dự án trong giai đoạn mở rộng nâng quy mô công suất như sau:

TT	Khu vực	Diện tích xây dựng hiện trạng	Diện tích mở rộng lên 1,1 triệu xe/năm	Diện tích tổng mặt bằng
<b>I</b>	<b>Hạng mục công trình chính</b>	<b>68.546</b>	<b>2.215</b>	<b>70.761</b>
1	Xưởng Sơn	16.730		16.730
2	Xưởng Nhựa	2.910		2.910
3	Xưởng gia công động cơ	7.340		7.340
4	Xưởng lắp ráp động cơ	1.315		1.315
5	Xưởng lắp ráp khung	3.360		3.360
6	Xưởng nhập phụ tùng lắp ráp	14.220		14.220
7	Khu vực kiểm tra xe	2.330		2.330
8	Khu vực thử xe	860		860
9	Khu vực đào tạo lắp ráp	866		866
10	Kho chứa xe thành phẩm	3.500	1.000	4.500
11	Xưởng hàn	4.780		4.780
12	Xưởng nhập phụ tùng hàn	2.735		2.735
13	Xưởng dập	1.400		1.400
14	Phòng vệ sinh đồ gá sơn	150		150
16	Xưởng đúc động cơ	6.050	1.215	7.265
<b>I.2</b>	<b>Hạng mục công trình phụ trợ</b>	<b>18.522</b>	<b>2.000</b>	<b>20.522</b>
16	Phòng thay đồ/ Nhà ăn	4.770	1.100	5.870
17	Phòng làm lạnh thiết bị đúc 1	34		34
18	Phòng làm lạnh thiết bị đúc 2	34		34
19	Nhà động lực điện, khí nén	1450	300	1.750



TT	Khu vực	Diện tích xây dựng hiện trạng	Diện tích mở rộng lên 1,1 triệu xe/năm	Diện tích tổng mặt bằng
20	Kho phụ tùng sửa chữa máy	175		175
21	Xưởng chế tạo sửa chữa			-
22	Kho gas	800		800
23	Bể nước	850		850
24	Trạm điện đầu nguồn	48		48
25	Tháp nước	45		45
26	Kho dầu mỡ	190		190
27	Bể dầu động cơ/ bể xăng	200		200
28	Nhà giặt là	330		330
29	Xử lý nước thải sinh hoạt	650		650
30	Xử lý nước thải công nghiệp	470		470
31	Hồ điều hòa 1	2.500		2.500
32	Kho sơn 1	280		280
33	Kho sơn 2	150		150
34	Phòng làm lạnh thiết bị sơn 1	300		300
35	Phòng làm lạnh thiết bị sơn 2	100		100
36	Nhà thử động cơ	350		350
37	Phòng họp đường thử xe	100		100
38	Bể nước mưa	670		670
39	Kho phơi thải	100		100
40	Nhà để xe máy	3.680	600	4.280
41	Bãi đỗ xe ô tô	1.230		1.230
42	Bãi để xe cho khách	650		650
43	Lối đi bộ	3.500		3.500
44	Phòng nghỉ lái xe	50		50
45	Nhà bảo vệ cổng 1	47		47
46	Nhà bảo vệ cổng 2	32		32
47	Bể tuần hoàn số 1	360		360
48	Bể tuần hoàn số 2	360		360
49	Nhà máy phát điện	450		450
50	Phòng tái chế dung môi sơn	60		60
51	Khu cà phê	500		500
52	Nhà bảo vệ cổng 3	32		32
53	Kho gas nhà ăn	45		45
54	Hệ thống Biogas	160		160
55	Hồ điều hòa 2	5.300		5.300
56	Khu vực xử lý rác thải	2.000		2.000
57	Phòng xử lý khói xưởng hàn	500		500
58	Trung tâm thể thao	1.210		1.210
59	Sân bóng	800		800
60	Sân tennis	160		160

TT	Khu vực	Diện tích xây dựng hiện trạng	Diện tích mở rộng lên 1,1 triệu xe/năm	Diện tích tổng mặt bằng
<b>III</b>	<b>Đường giao thông</b>	<b>69.876</b>	-	<b>69.876</b>
61	Đường giao thông	64.490		64.490
62	Đường testcourse	5.386		5.386
<b>IV</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>6.352</b>		<b>2.137</b>
<b>V</b>	<b>Cây xanh</b>	<b>108.864</b>		<b>108.864</b>
	<b>Tổng diện tích xây dựng = (I) + (II) + (III)</b>	<b>156.944</b>	<b>4.215</b>	<b>161.159</b>
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT ( m<sup>2</sup> )</b>	<b>272.160</b>		<b>272.160</b>

## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

### 2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Khí thải, bụi từ hoạt động của các phân xưởng sản xuất: phân xưởng đúc, sơn, hàn, ép nhựa,...

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình sản xuất tại quá trình đúc khuôn, quá trình làm sạch bề mặt các chi tiết gia công; nước thải từ quá trình xử lý khói hàn, xử lý bụi sơn; nước thải từ các thiết bị làm mát; nước thải giặt là,....

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất và hoạt động xử lý nước thải.

### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

Nước thải sản xuất: phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất tại xưởng sơn khoảng 120m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Nước thải giặt là 20m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Nước thải phát sinh từ quá trình xả đáy nồi hơi, tháp làm mát, nước xử lý khí xưởng WE, thử kín bình xăng, xử lý khí thải lò nung khoảng 10m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên tại Dự án khoảng 325m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi nhôm và khí thải có chứa HF, NO<sub>x</sub>, CO, SO<sub>2</sub> ... từ lò nấu nhôm của phân xưởng đúc.

- Bụi sơn và hơi dung môi (VOCs) từ phân xưởng sơn: công đoạn tiền xử lý trước sơn, sấy trước sơn, sấy sau sơn.

- Bụi và khí thải từ phân xưởng hàn.

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 2.625 tấn/năm, chủ yếu là: xỉ hàn, kính thủy tinh thải, bông thủy tinh thải, cát đúc, giấy bìa...

Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng hơn 400 tấn/năm.

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

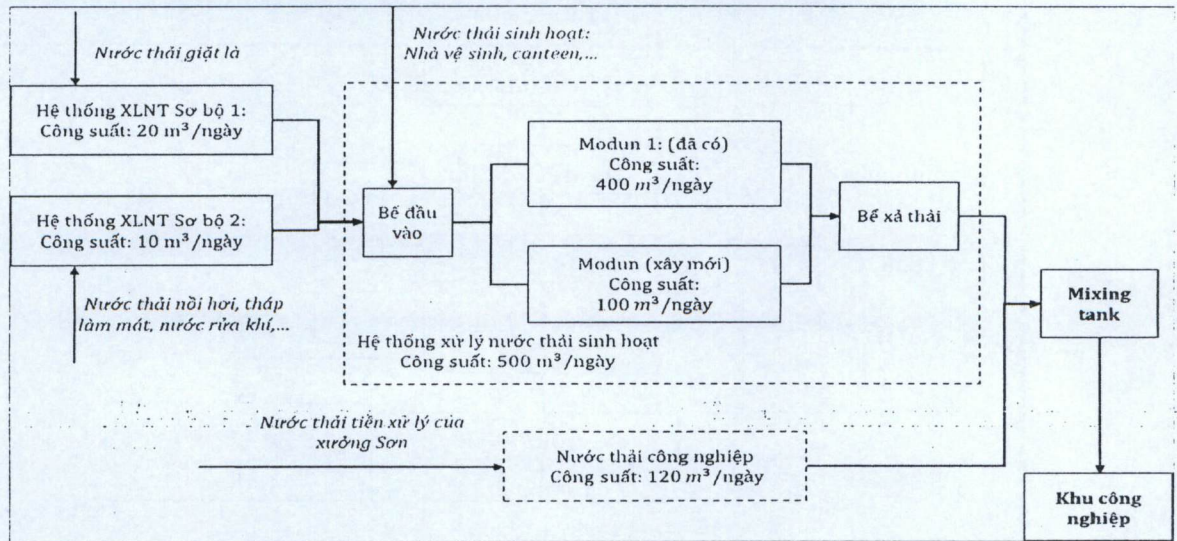
Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 4,347 tấn/năm, chủ yếu là: Nước tách khuôn thải từ các máy đúc nhôm; Bavia, phoi nhôm, phoi sắt dính dầu từ quá trình gia công và tiện chi tiết; Cặn sơn từ quá trình đập bụi sơn; Cặn bùn từ quá trình xử lý nước thải; Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và

các bể tách dầu; Hạt nhựa trao đổi ion từ các hệ thống xử lý nước đầu vào (RO, hệ thống TSD nước thải); Dầu thủy lực tổng hợp thải từ xe nâng, thang nâng, máy ép nhựa, ....

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

#### 3.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường nước thải

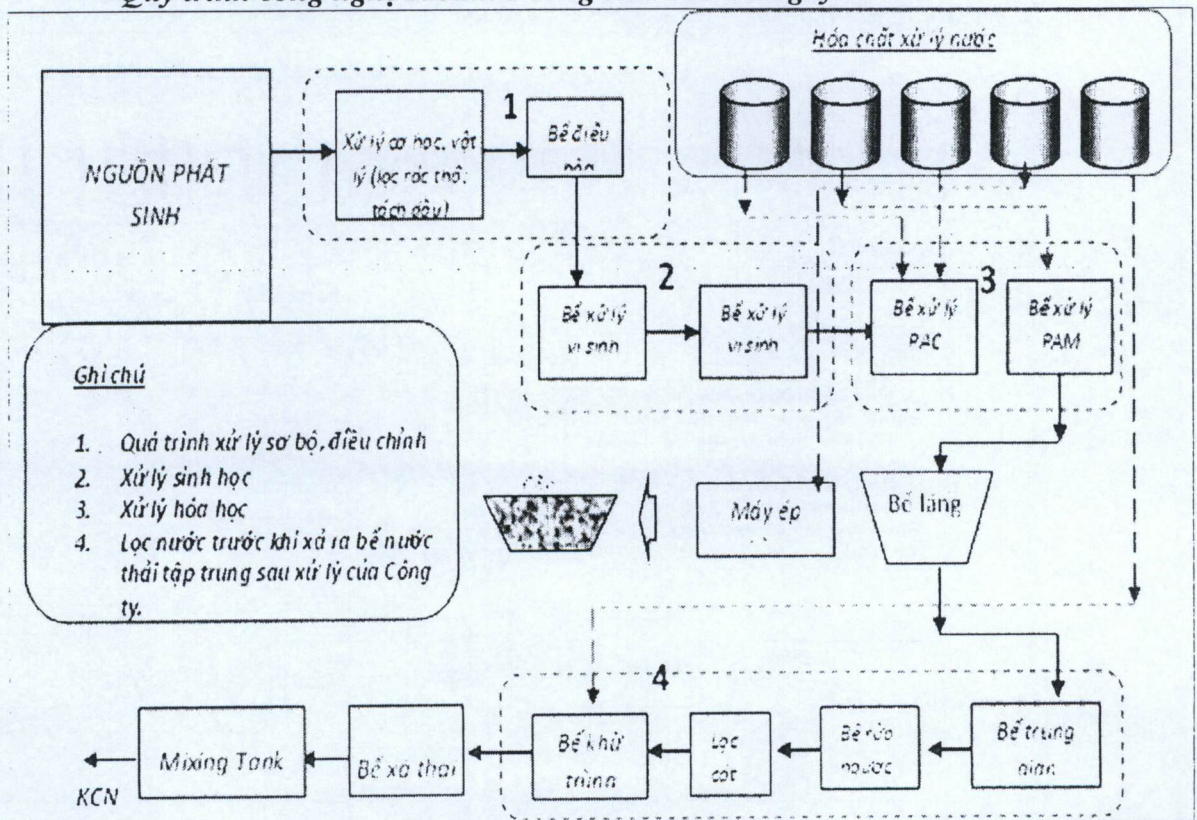
\* Sơ đồ quy trình thu gom, cân bằng nước thải của nhà máy:



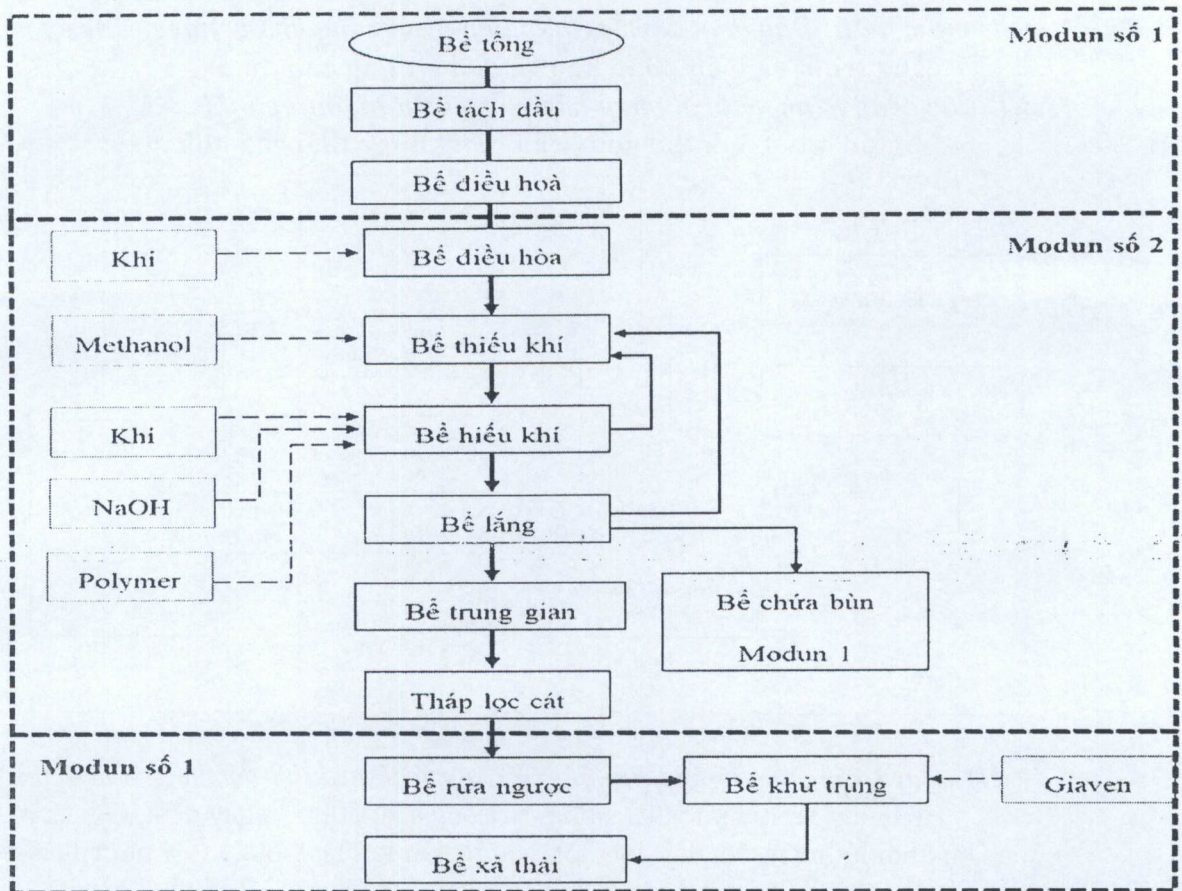
#### (1) Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 500m³/ngày đêm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 500m³/ngày đêm, tiếp nhận và xử lý toàn bộ khối lượng nước thải sinh hoạt, nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sơ bộ 1 và nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sơ bộ số 2, bao gồm 02 Modul, Modul 1 công suất 400 m³/ngày đêm, Modul 2 công suất 100m³/ngày đêm, cụ thể như sau:

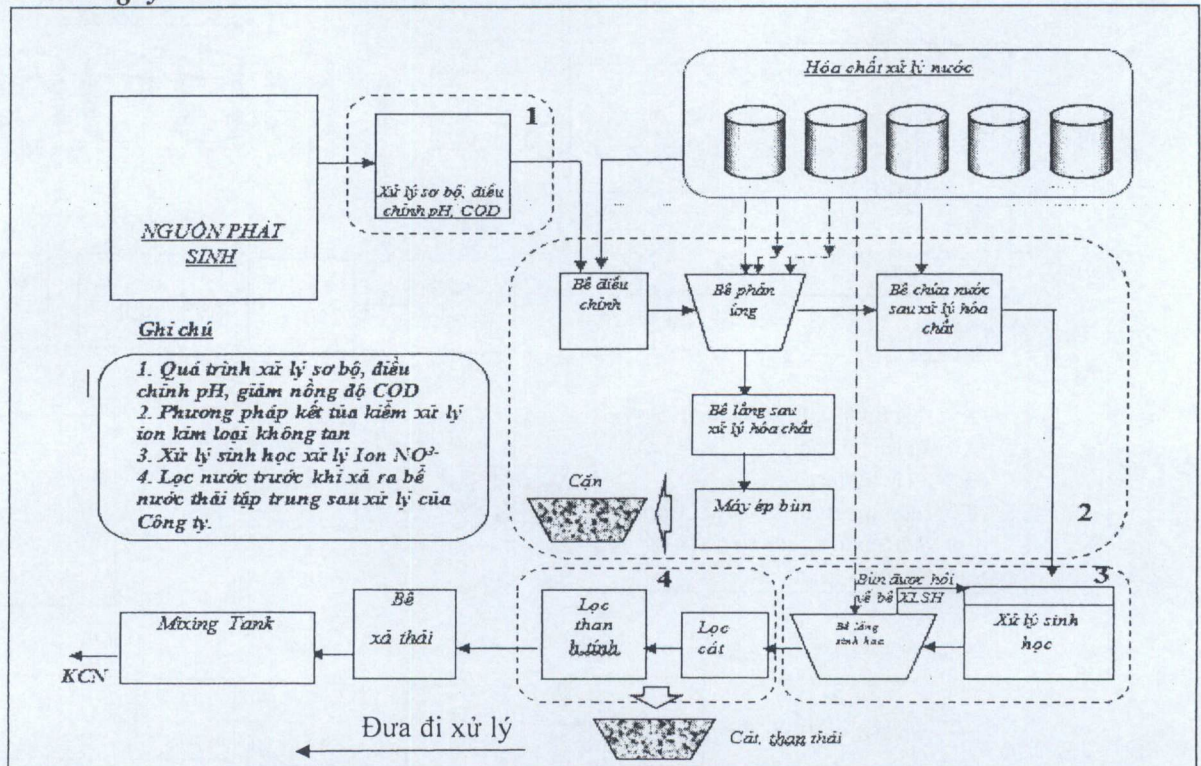
\* Quy trình công nghệ Modul 1 công suất 400 m³/ngày đêm



\* Quy trình công nghệ Modun 2 công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm

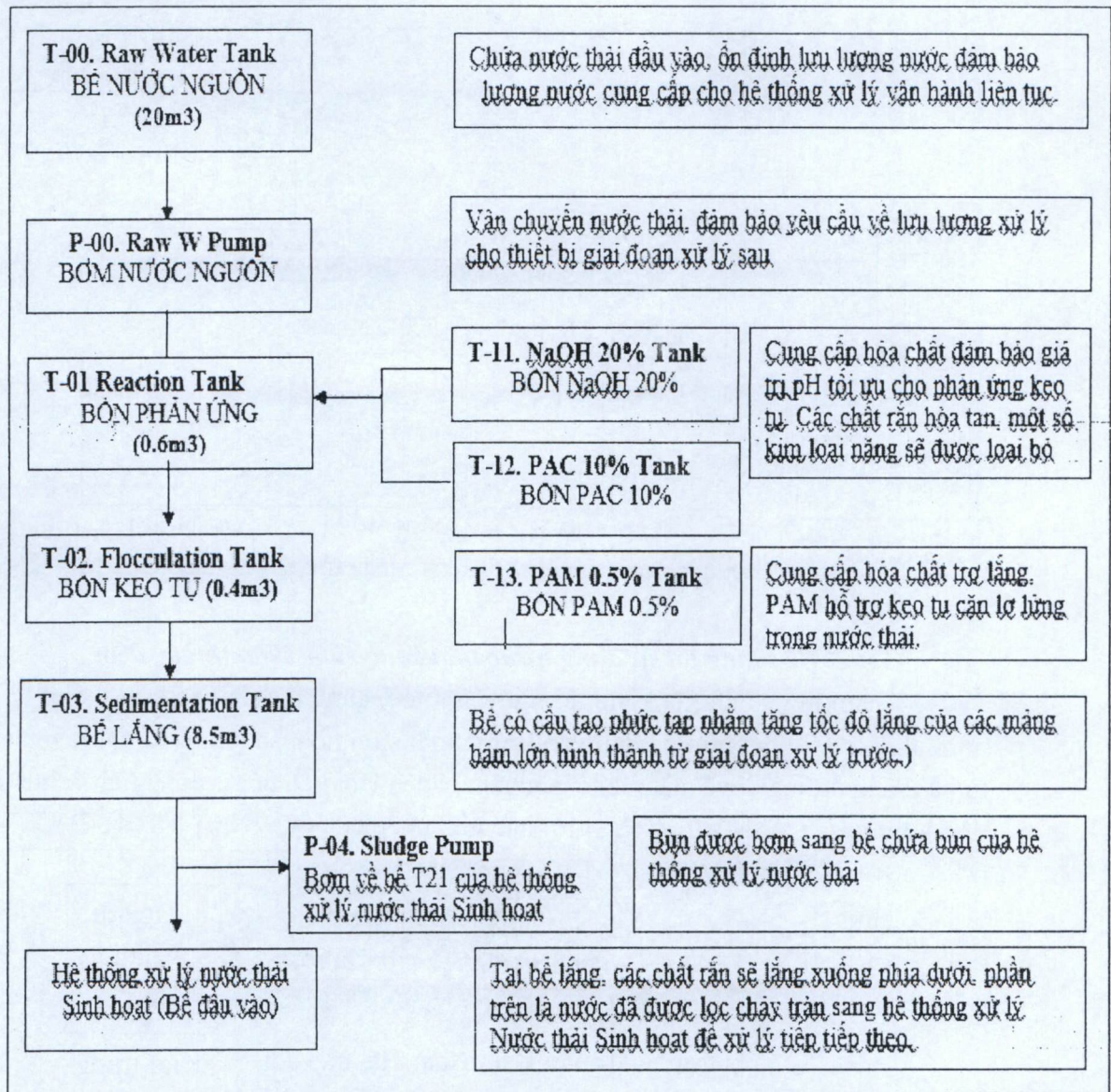


(2) Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải phân xưởng sơn công suất 120m<sup>3</sup>/ngày đêm



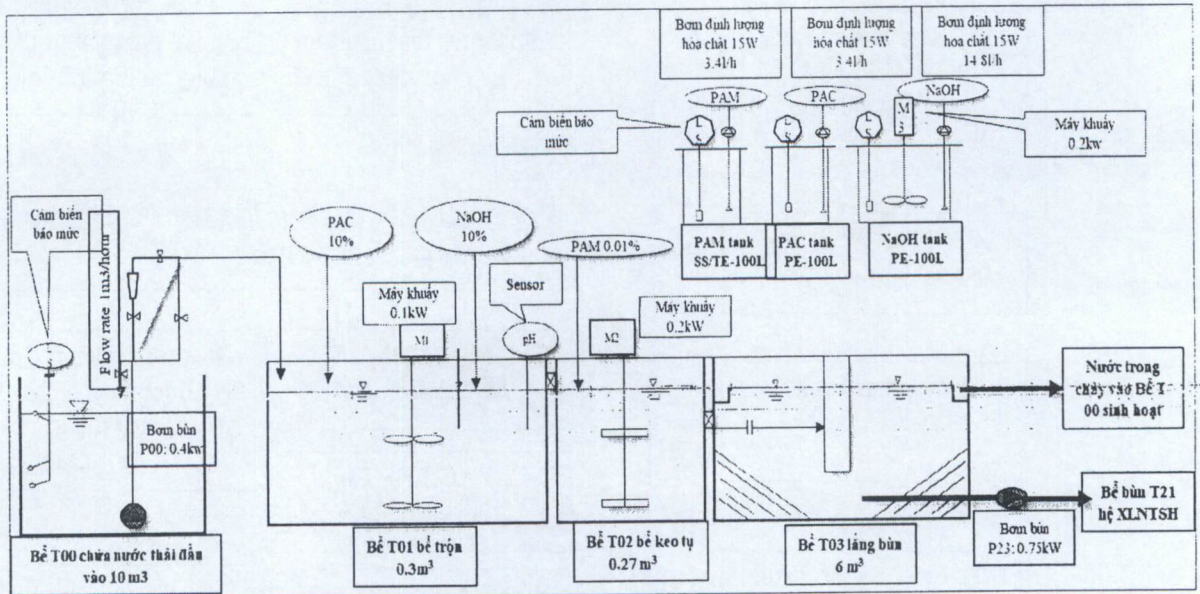
**(3) Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sơ bộ 1 công suất 20m<sup>3</sup>/ngày đêm**

Có nhiệm vụ xử lý sơ bộ nước thải phát sinh từ quá trình giặt là, nước thải sau hệ thống xử lý sơ bộ 1 được tiếp tục đầu nối và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm.



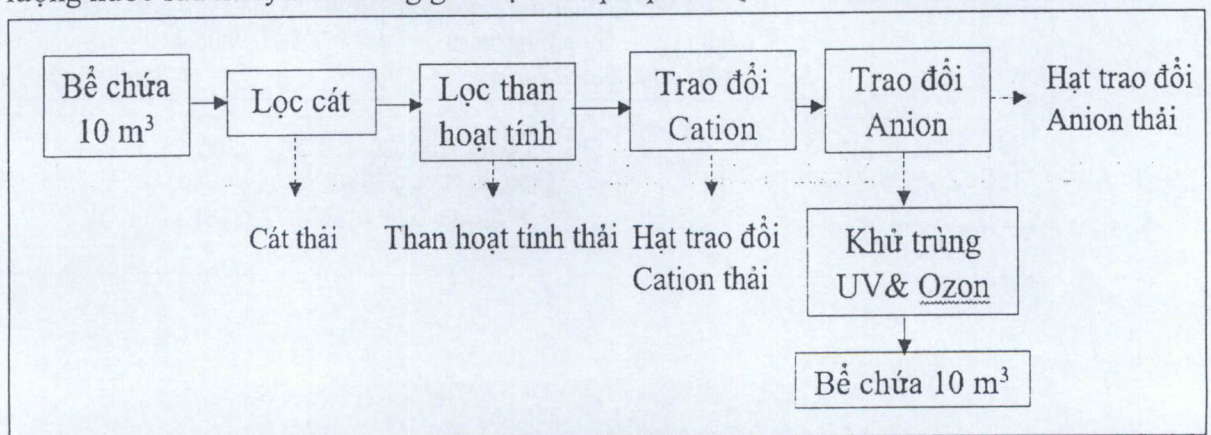
**(4) Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sơ bộ 2, công suất 10m<sup>3</sup>/ngày đêm**

Xử lý nước thải phát sinh từ công đoạn rửa khí, nước thải xả đáy nồi hơi, tháp làm mát, thử kín bình xăng,... Nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom và xử lý tiếp tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm.



**(5) Hệ thống tái sử dụng nước thải công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm**

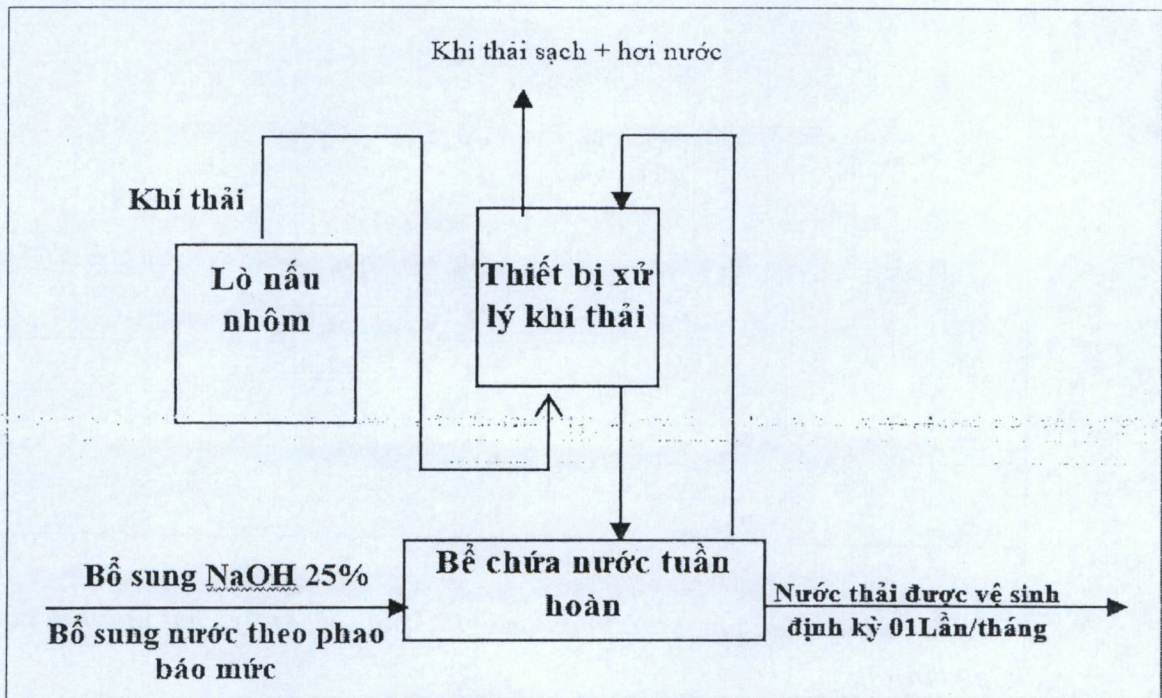
Nhằm mục đích tiết kiệm tài nguyên nước, công ty đầu tư 01 hệ thống tái sử dụng nước thải từ 02 nguồn nước đầu vào (nước thải sinh hoạt sau xử lý & nước mưa thu gom từ hệ thống đường đi và mặt mái của nhà máy đến Hồ điều hòa 1 dung tích 7.348 m<sup>3</sup>). Chất lượng nước sau xử lý nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 01-1:2018/BYT.



### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

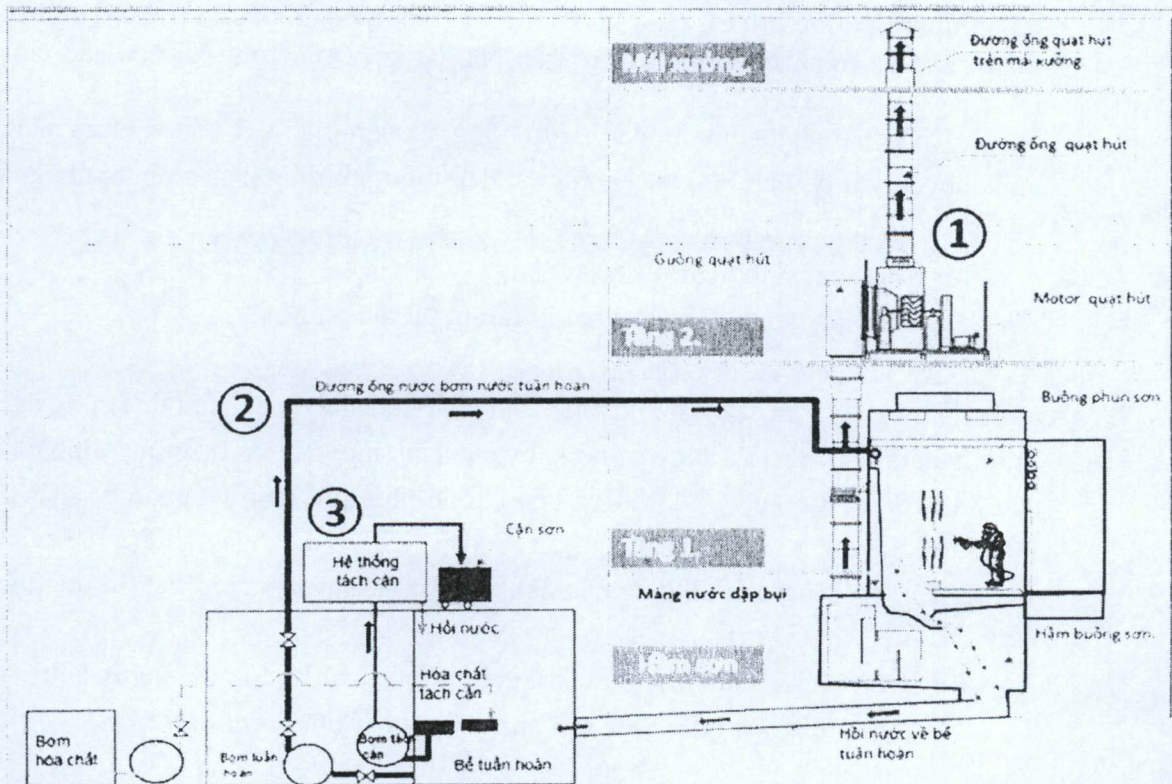
#### (1) Khí thải xưởng đúc

Hệ thống xử lý khí của phân xưởng Đúc bao gồm 02 hệ thống xử lý có chung quy trình công nghệ như sau:



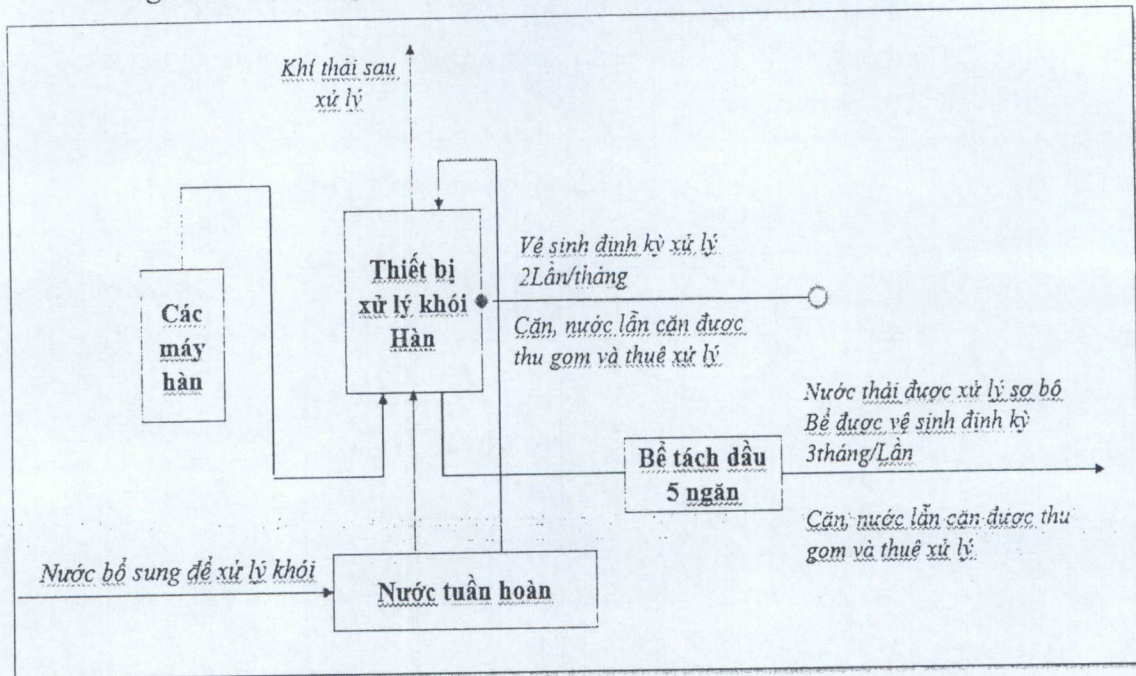
#### (2) Khí thải xưởng sơn

Bao gồm 03 hệ thống xử lý khí thải có chung quy trình công nghệ xử lý như sau:



### (3) Khí thải xưởng hàn

Bao gồm 02 hệ thống có chung quy trình công nghệ sản xuất như sau:



### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Khu vực lưu trữ chất thải với tổng diện tích 2.000 m<sup>2</sup> (gồm các kho lưu trữ riêng biệt và hệ phụ trợ kèm theo). Khu vực được phân thành 18 kho riêng biệt (có 1 khu vực được sử dụng để phân loại rác thải trước khi chuyển đến các kho chứa riêng biệt). Chất thải rắn sinh hoạt được lưu trữ tại 2 kho với tổng diện tích 80m<sup>2</sup>, và chất thải rắn công nghiệp thông thường được lưu trữ tại 8 kho với tổng diện tích 320m<sup>2</sup>. Các kho đảm bảo không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn bên ngoài vào. Trong kho có các rãnh thu gom nước rò rỉ tại các kho.

Chất thải phát sinh được ký Hợp đồng chuyển giao với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ khối lượng rác thải thông thường phát sinh tại nhà máy.....

- Tần suất thu, vận chuyển, xử lý:

+ Chất thải sinh hoạt: 01 ngày/lần;

+ Chất thải công nghiệp thông thường: 02 lần/tuần

Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thu gom, vận chuyển xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường

### 3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

\* Biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:



- Bố trí 07 kho lưu giữ chất thải nguy hại với tổng diện tích 424m<sup>2</sup>;
- Toàn bộ lượng CTNH phát sinh được thu gom, phân loại riêng biệt vào các thùng chứa có nắp đậy, bao bì chứa kín và có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH theo TT 36:2015/TT-BTNMT.
- Lưu giữ chất thải nguy hại theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH, bao bì chứa bảo đảm không bị rò rỉ, tràn đổ, rơi vãi hoặc phát tán mùi ra môi trường.
- Hợp đồng với đơn vị chức năng, vận chuyển, thu gom, xử lý chất thải nguy hại đảm bảo không lưu giữ chất thải quá 06 tháng.
- Định kỳ 1 năm/lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam.

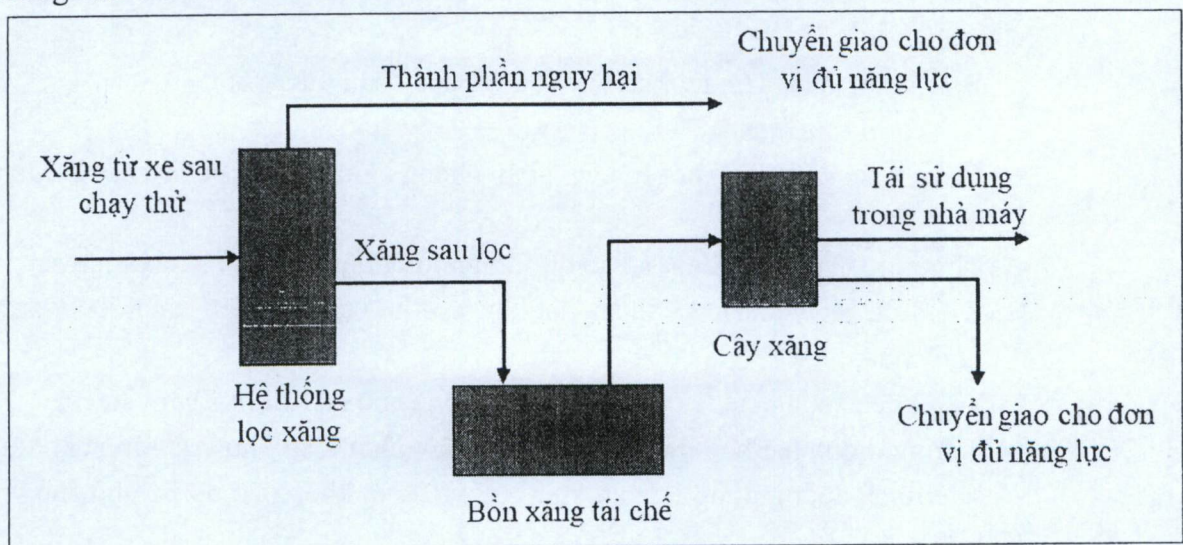
Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Bố trí khu vực lưu giữ CTNH; lưu giữ CTNH trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định tại Phụ lục 2 (A) và thực hiện các yêu cầu quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**\* Công trình xử lý chất thải nguy hại:**

*Phương án tự xử lý xăng thải:*

Xăng thải từ quá trình chạy thử xe được thu gom, xử lý qua hệ thống lọc công suất 02m<sup>3</sup>/ngày đêm, chất lượng xăng sau xử lý đạt QCVN 01:2015/BKHCN – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học. Sơ đồ quy trình tự xử lý xăng thải như sau:



**3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:**

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị. Thường xuyên kiểm tra sự cân bằng của máy, kiểm tra độ mòn chi tiết và tra dầu bôi trơn.
- Hệ thống thu gom thoát nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và các Quy chuẩn hiện hành khác có liên quan.

- Đầu nối và vận hành hiệu quả mạng lưới thoát nước mưa nội bộ của nhà xưởng, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước mưa, nghiêm cấm xả các loại chất thải, nước thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

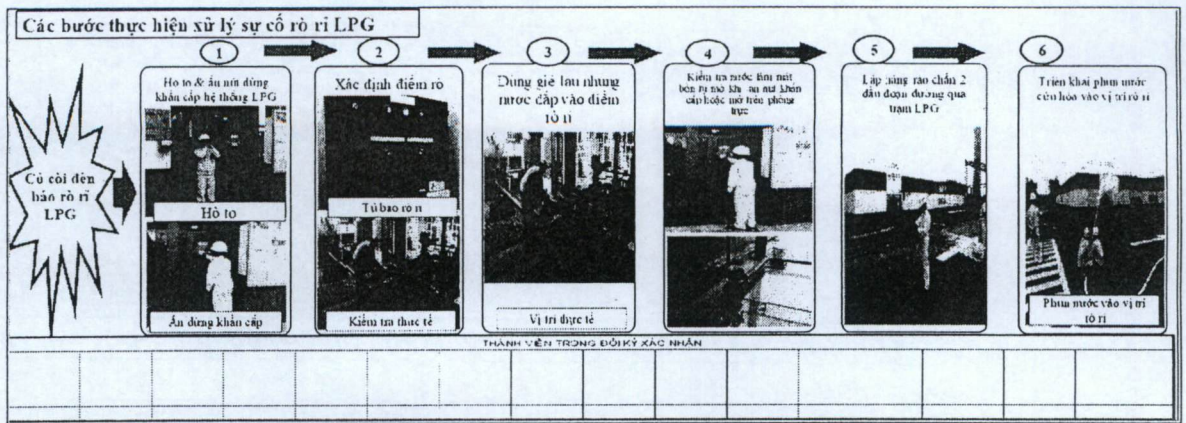
**3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

*(1) Công tác phòng chống cháy nổ và tai nạn lao động*

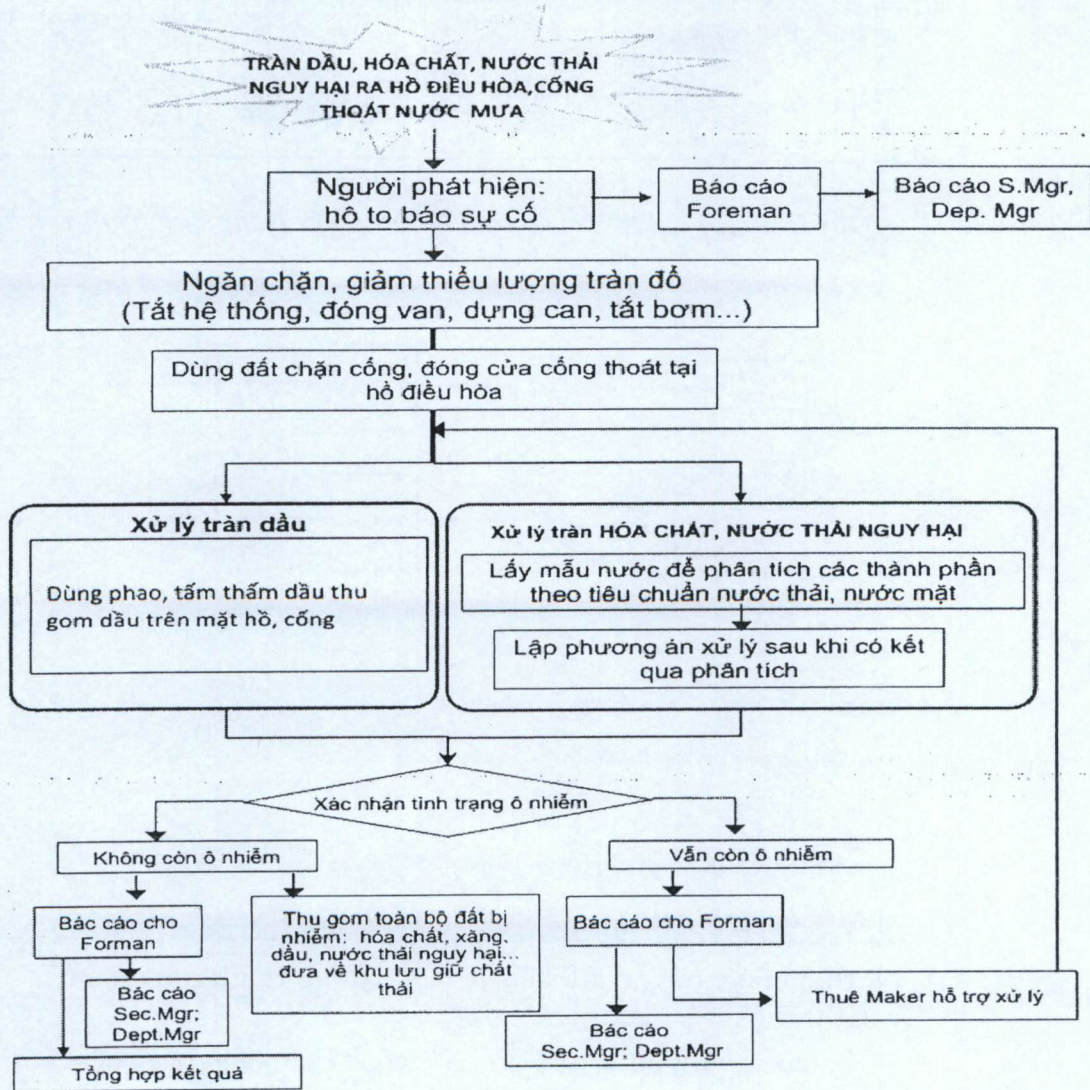
- Bố trí biển cảnh báo cấm lửa tại các khu vực có chất dễ cháy nổ;
- Thiết kế quy trình bảo quản xuất nhập hóa chất đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;
- Trang bị hệ thống PCCC theo đúng quy định;
- Bố trí bảng nội quy và quy trình cấp nhiên liệu, để nhân viên vận hành tuân thủ;
- Bố trí đầy đủ các dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định;
- Tập huấn định kỳ công tác phòng cháy chữa cháy cho cán bộ, công nhân viên hàng năm;
- Trang bị thiết bị cảnh báo cháy sớm tại các khu vực nhạy cảm về cháy nổ;
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị tại phân xưởng;
- Bố trí các biển Nội quy vận hành máy tại các máy để công nhân tuân thủ đúng quy trình vận hành;
- Kiểm tra thường xuyên về công tác chấp hành sử dụng bảo hộ lao động của công nhân;
- Tập huấn định kỳ về các quy phạm an toàn sản xuất cho công nhân vận hành các máy phức tạp;
- Bố trí biển báo, cấm tại khu vực lưu trữ hóa chất, dung môi.

*(2) Sự cố rò rỉ hóa chất*

- Công ty sẽ thực hiện một số biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất như sau:
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng phương tiện tại các phân xưởng sản xuất;
- Kiểm tra các yêu cầu kỹ thuật của khu vực kho chứa và lắp các thiết bị an toàn trong kho chứa;
- Đầu tư các dụng cụ để ứng phó và khắc phục hóa chất khi xảy ra sự cố;
- Trường hợp phát hiện rò rỉ cần lập tức báo động toàn khu vực sản xuất, tránh xa khu vực rò rỉ, không được lại gần khu vực rò rỉ mà không có đồ bảo hộ cung cấp dưỡng khí;
- Tập huấn nghiệp vụ về an toàn hóa chất cho công nhân quản lý các kho chứa hóa chất.



**Quy trình xử lý tình huống khẩn cấp rò rỉ LPG**



**Quy trình đối phó xử lý tình huống khẩn cấp: tràn dầu, hóa chất, nước thải nguy hại ra hồ điều hòa, cống thoát nước mưa**

## II. CÁC BƯỚC XỬ LÝ

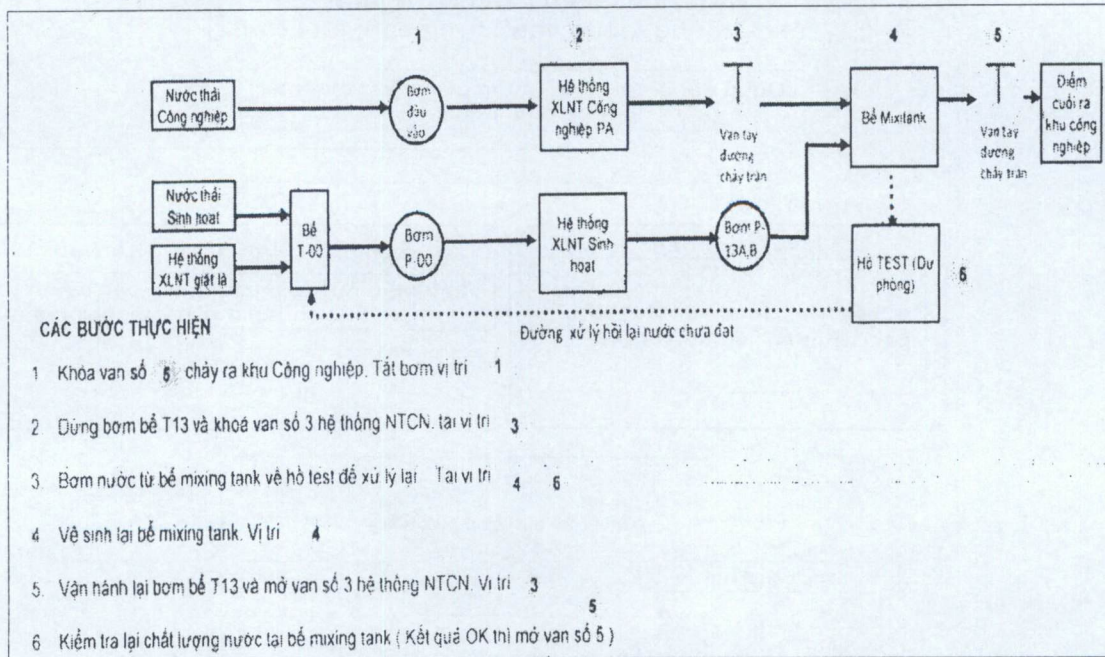


### Quy trình xử lý khi xảy ra tràn đổ nước thải trong quá trình vận chuyển

## II. CÁC BƯỚC XỬ LÝ



### Quy trình xử lý khi xảy ra tràn đổ bùn thải trong quá trình vận chuyển (3) Quy trình xử lý sự cố các hệ thống xử lý nước thải và khí thải



#### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Hệ thống thoát nước mưa;
- Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ 1 công suất 20m<sup>3</sup>/ngày đêm và Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ 2 công suất 10m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tổng công suất: 500m<sup>3</sup>/ngày đêm, bao gồm: Modul 1 công suất 400m<sup>3</sup>/ngày đêm, Modul 2 công suất 100m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 120m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Hệ thống tái sử dụng nước thải công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm;

- 02 Hệ thống xử lý khí thải xưởng đúc;
- 03 Hệ thống xử lý khí thải xưởng sơn;
- 02 Hệ thống xử lý khí thải xưởng hàn;
- Hệ thống xử lý xăng thải công suất 02m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- 01 khu vực phân loại chất thải trước khi đưa về các kho lưu chứa diện tích 40m<sup>2</sup>.
- 01 nhà kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt diện tích 80m<sup>2</sup>;
- 08 nhà kho lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường với tổng diện tích 320m<sup>2</sup>;
- 07 nhà kho lưu giữ chất thải nguy hại với tổng diện tích 344m<sup>2</sup>;

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của dự án như sau:

<b>I. Giám sát chất lượng không khí tại khu vực sản xuất</b>		
1	Vị trí	- KK1: Khu vực sản xuất tại phân xưởng đúc; - KK2: Khu vực sản xuất tại phân xưởng đúc; - KK3: Khu vực sản xuất tại phân xưởng sơn; - KK4: Khu vực sản xuất tại phân xưởng sơn; - KK5: Khu vực sản xuất tại phân xưởng sơn; - KK6: Khu vực sản xuất tại phân xưởng sơn; - KK7: Khu vực sản xuất tại phân xưởng sơn; - KK8: Khu vực sản xuất tại phân xưởng sơn; - KK9: Khu vực sản xuất tại phân xưởng hàn; - KK10: Khu vực sản xuất tại phân xưởng hàn; - KK11: Khu vực sản xuất tại phân xưởng ép nhựa; - KK12: Khu vực sản xuất tại phân xưởng gia công cơ khí.
2	Số lượng	12 vị trí
3	Chỉ tiêu giám sát	Nhiệt độ; độ ẩm; tốc độ gió; Tiếng ồn; Ánh sáng; độ rung; CO <sub>2</sub> ; SO <sub>2</sub> ; NO <sub>2</sub> ; Bức xạ nhiệt; Bụi; Toluene; Xylen; Benzen; xylene; butyl acetat; ethyl acetat; H <sub>2</sub> S; Cd; Pb; Mn; Cr; Hg; Fe; Cu; Al; Zn; Ni.
4	Tần suất	1 năm/lần
5	Quy chuẩn so sánh	QCVN 02: 2019/BYT; QCVN 03: 2019/BYT; Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 22:2016/BYT; QCVN 23:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT;
<b>II. Giám sát khí thải</b>		
1	Vị trí	- KT1: Ống khói phân xưởng đúc; - KT2: Ống khói phân xưởng đúc; - KT3: Ống khói hệ thống xử lý khí thải sơn; - KT4: Ống khói hệ thống xử lý khí thải sơn; - KT5: Ống khói hệ thống xử lý khí thải sơn; - KT6: Ống khói hệ thống xử lý khí thải sơn; - KT7: Ống khói hệ thống xử lý khí thải sơn; - KT8: Ống khói hệ thống xử lý khí thải sơn;

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- KT9: Ống khói hệ thống xử lý khí thải sơn;</li> <li>- KT10: Ống khói hệ thống xử lý khí thải sơn;</li> <li>- KT11: Ống khói hệ thống xử lý khí thải sơn;</li> <li>- KT12: Ống khói hệ thống xử lý khí thải sơn;</li> <li>- KT13: Ống khói hệ thống xử lý khí thải sơn;</li> <li>- KT14: Ống khói hệ thống xử lý khí thải sơn;</li> <li>- KT15: Ống khói hệ thống xử lý khí thải hàn;</li> <li>- KT16: Ống khói hệ thống xử lý khí thải hàn;</li> <li>- KT17: Ống khói hệ thống xử lý khí thải hàn;</li> <li>- KT18: Ống khói hệ thống kiểm tra cuối.</li> </ul>
2	Số lượng	18 vị trí
3	Chỉ tiêu giám sát	<b>KT1-KT2:</b> Bụi, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> tính theo NO <sub>2</sub> , CO, HF. <b>KT3-KT14:</b> Bụi, benzen, toluen, xylene, butyl acetat, ethyl acetat. <b>KT15 – KT17:</b> CO, NO <sub>x</sub> tính theo NO <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , H <sub>2</sub> S, Pb, bụi tổng, HCl. <b>KT18:</b> Bụi, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> tính theo NO <sub>2</sub> , CO, H <sub>2</sub> S, n-hexan, n-heptan.
4	Tần suất	03 tháng/lần
5	Quy chuẩn so sánh	QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT.
<b>III. Giám sát nước thải</b>		
1	Vị trí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- NT1: Điểm sau hệ thống XLNT sinh hoạt</li> <li>- NT2: Điểm sau hệ thống XLNT sản xuất</li> <li>- NT3: Điểm trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu công nghiệp (<i>Bể Mixing Tank</i>)</li> <li>- NT4: Điểm sau hệ thống tái sử dụng nước thải</li> </ul>
2	Số lượng	04 vị trí
3	Chỉ tiêu giám sát	<b>NT1-NT3:</b> Nhiệt độ, pH, mùi, màu, BOD <sub>5</sub> , COD, SS, As, Hg, Pb, Cd, Cr <sup>6+</sup> , Cr <sup>3+</sup> , Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Sn, CN <sup>-</sup> , Phenol, dầu mỡ khoáng, dầu mỡ động thực vật, Clo dư, Sunfua, F <sup>-</sup> , Cl <sup>-</sup> , NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> theo N, Tổng N, Tổng P, Coliforms. <b>NT4:</b> Màu sắc, Mùi vị, Độ đục, pH, Độ cứng, Tổng chất rắn hoà tan, Al, Amoni, Sb, As, Ba, Clorua, Crom tổng, Cu, CN <sup>-</sup> , F <sup>-</sup> , H <sub>2</sub> S, Sắt tổng số, Pb, Mn, Hg, NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , Na, Pecmanganat, Phenol, Benzen, Benzo(a)pyren, Monocloramin, Clo dư, Tổng hoạt độ alpha, Tổng hoạt độ beta, Coliform, Ecoli hoặc Coliform chịu nhiệt.
4	Tần suất	03 tháng/lần
5	Quy chuẩn so sánh	<b>NT1-NT3:</b> QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; <b>NT4:</b> QCVN 01-1:2018/BYT.
<b>IV. Giám sát chất thải rắn thông thường</b>		
1	Vị trí	Kho lưu trữ chất thải rắn thông thường
2	Số lượng	01 vị trí
3	Chỉ tiêu giám sát	Giám sát tổng khối lượng CTRSH và CTR sản xuất phát sinh
4	Tần suất	Hàng ngày
<b>V. Giám sát chất thải nguy hại</b>		
1	Vị trí	<b>CTNH 1:</b> Xăng sau hệ thống xử lý xăng thải;

		<b>CTNH 2:</b> Kho lưu trữ chất thải nguy hại
2	Số lượng	02 vị trí
3	Chỉ tiêu giám sát, Quy chuẩn so sánh	<b>CTNH 1:</b> Tất cả các chỉ tiêu giám sát quy định tại Bảng 2: Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng E5 – QCVN 01:2015/BKHCN mức 2. <b>CTNH 2:</b> Khối lượng, công tác phân loại, thu gom, lưu giữ
4	Tần suất	<b>CTNH 1:</b> 03 tháng/lần <b>CTNH 2:</b> Hàng ngày

## 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này;

- Trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt, góp phần giảm thiểu hiệu ứng nhà kính, giảm thiểu ô nhiễm bụi, nhiệt độ, tiếng ồn, điều hòa không khí và tạo cảnh quan bóng mát;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có Văn bản chấp thuận của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và cơ quan phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm;

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường (bao gồm các công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) phục vụ giai đoạn vận hành thương mại của Dự án trước khi hết thời gian vận hành thử nghiệm 30 ngày theo quy định;

- Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trong quá trình thực hiện dự án.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất;

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động, an toàn vệ thực phẩm, vệ sinh môi trường./.

